

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÍ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG
VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL**



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		722,875,122,846	1,000,733,224,538
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		116,887,979,842	107,641,973,623
1. Tiền	111	V.1	86,887,979,842	107,641,973,623
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371,919,038,293	647,367,989,931
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	165,530,320,165	265,860,848,111
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	101,285,352,050	286,876,966,550
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	108,214,311,022	97,318,305,626
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3,110,944,944)	(2,688,130,356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		375,734,340	277,822,337
1. Hàng tồn kho	141		375,734,340	277,822,337
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		233,692,370,371	245,445,438,647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	229,545,490,067	244,845,809,303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,077,979,799	599,629,344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	68,900,505	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,031,267,923,389	988,993,662,660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72,004,126,820	32,284,453,830
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	61,750,000,000	22,000,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	10,254,126,820	10,284,453,830
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77,076,140,120	80,415,223,150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	66,977,584,141	70,027,007,343
- Nguyên giá	222		204,261,847,561	208,121,674,253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(137,284,263,420)	(138,094,666,910)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10,098,555,979	10,388,215,807
- Nguyên giá	228		21,075,561,113	20,936,421,113
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10,977,005,134)	(10,548,205,306)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46,959,263,200	41,760,814,501
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	46,959,263,200	41,760,814,501
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		812,273,348,302	808,905,712,227
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	810,051,249,427	796,922,849,427
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	2,181,902,800	2,181,902,800
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	9,800,960,000	9,800,960,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(9,760,763,925)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22,955,044,947	25,627,458,952
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	22,955,044,947	25,627,458,952
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,754,143,046,235	1,989,726,887,198

304
CỘNG
CỔ
TÀI
CHÍNH
THỜI
VIỆT
KIỂM
- T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,557,217,013,717	1,780,873,761,505
I. Nợ ngắn hạn	310		841,327,244,089	1,046,945,594,841
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	308,051,242,555	313,123,314,839
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	170,678,416,701	391,907,991,024
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12,223,036,141	13,698,520,839
4. Phải trả người lao động	314		2,846,924,375	26,957,062,646
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	104,771,690,124	64,155,610,389
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a, c	239,770,059,271	223,218,132,490
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2,985,874,922	13,884,962,614
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		715,889,769,628	733,928,166,664
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		1,357,243,720	1,468,025,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b, c	714,532,525,908	713,604,141,664
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.19	-	18,856,000,000
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

559
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DU LỊCH VÀ
 GIAO THÔNG
 VẬN TẢI VIỆT
 NAM
 VIETRAVEL
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

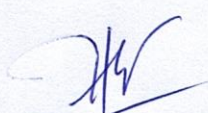
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196,926,032,518	208,853,125,693
I. Vốn chủ sở hữu	410		196,926,032,518	208,853,125,693
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a, b	172,948,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172,948,330,000	126,416,330,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	3,315,805,325	3,030,205,325
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20a	(5,041,982,400)	(5,041,982,400)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	23,004,331,874	20,101,321,247
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	2,699,547,719	64,347,251,521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57,721,946,268	64,347,251,521
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(55,022,398,549)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,754,143,046,235	1,989,726,887,198

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020


Đặng Thị Hiền Lương
 Người lập


La Huệ
 Kế toán trưởng


Trần Đoàn Thế Duy
 Quyền Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

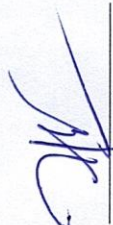
(Đơn vị tính: VND)


9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2020	Lũy kế từ đầu năm đến 30/09/2019
			Quý 3 năm 2020	Quý 3 năm 2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	425,686,535,937	2,085,196,947,554	1,326,290,009,204	5,431,732,646,782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.2	425,686,535,937	2,085,196,947,554	1,326,290,009,204	5,431,732,646,782
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.3	361,591,249,802	1,958,471,167,985	1,206,217,068,509	5,098,588,102,799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	V1.4	64,095,286,135	126,725,779,569	120,072,940,695	333,144,543,983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.5	1,292,969,685	2,839,306,999	21,389,818,690	4,152,872,103
7. Chi phí tài chính	22	V1.6	22,276,375,188	3,867,043,597	78,792,968,863	9,392,041,463
Trong đó: chi phí lãi vay	23	V1.7	20,210,894,448	2,687,730,287	61,189,934,902	7,565,346,092
8. Chi phí bán hàng	25	V1.8	3,650,471,234	14,089,694,392	11,175,845,560	36,300,589,336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.9	39,356,200,882	70,969,706,640	108,697,982,156	225,877,778,648
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	V1.10	105,208,516	40,638,641,939	(57,204,037,194)	65,727,006,639
11. Thu nhập khác	31	V1.11	179,990,360	689,966,477	4,286,294,886	6,384,817,318
12. Chi phí khác	32	V1.12	269,108,749	1,657,935,879	2,104,656,242	5,524,066,171
13. Lợi nhuận khác	40	V1.13	(89,118,389)	(967,969,402)	2,181,638,644	860,751,147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	V1.14	16,090,127	39,670,672,537	(55,022,398,550)	66,587,757,786
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V1.15	-	7,934,134,507	-	13,317,551,557

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16,090,127	31,736,538,030	(55,022,398,550)	53,270,206,229
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.9			


Đặng Thị Hiền Lương
 Người lập


La Huệ
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020


Trần Đoàn Thế Duy
 Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,498,266,239,421	5,913,022,826,982
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,425,527,776,939)	(5,151,482,488,353)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(70,829,833,755)	(190,170,026,308)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13,748,607,139)	(7,909,964,025)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2,453,250,755)	(12,050,037,202)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		758,990,365,707	1,248,767,269,639
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(692,848,039,081)	(1,838,246,882,681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51,849,097,459	(38,069,301,948)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(7,591,372,699)	(20,063,238,524)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1,789,727,270	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.8	(69,750,000,000)	(15,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	85,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,528,400,000)	(744,572,402,800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a; VI.3	143,325,308	1,522,973,133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81,936,720,121)	(778,027,668,191)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.20a	28,845,600,000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(154,446,363)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a, b	382,086,923,290	904,490,098,945
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a, 19	(371,594,636,509)	(147,790,012,052)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	(4,257,900)	(17,649,407,840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39,333,628,881	738,896,232,690
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9,246,006,219	(77,200,737,449)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	107,641,973,623	179,380,803,189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	116,887,979,842	102,180,065,740

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020


 Đặng Thị Hiền Lương
 Người lập


 La Huệ
 Kế toán trưởng


 Trần Đoàn Thế Duy
 Quyền Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: điều hành tour du lịch; đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không; vận chuyển khách du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preak Monivong, phường Bung Kenh Kon I, quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Số 163, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đại lý vé máy bay, dịch vụ du lịch.	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Số 99A, đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh văn hóa phẩm và các mặt hàng tiêu dùng, kinh doanh xuất nhập khẩu ấn phẩm sách in trên các chất liệu khác nhau.	95,13%	95,13%	95,13%
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC.	Số 9191, phòng 219, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company – Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Vận tải hành khách hàng không.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Số 219-221, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đào tạo khóa học về quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch, Anh ngữ.	66,00%	66,00%	66,00%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch, công thông tin chi tiết dịch vụ thương mại điện tử.	100,00%	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp thị – Thể thao – Du lịch – Giải trí Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.	35,00%	35,00%	35,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistrict, quận Bang Khae, Bangkok Metropolis, Thái Lan	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	49,00%	49,00%	49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Bình Dương	Số 317, đại lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Dịch vụ Du lịch Lá Xanh	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đồng Nai	Số 59, đường 30/4, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Huế	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hải Phòng	Số 4, phố Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	Số 58, đường Pasteur, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Tư vấn Du học Việt	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long Xuyên	Số 99-101, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Nha Trang	Số 100, đường Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 516, đường Quang Trung, phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cần Thơ	Số 5-7, đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vũng Tàu	Số 150, đường Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quy Nhơn	Số 515, đường Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Xuất khẩu lao động tại Hà Nội	Phòng 502, Số 2, đường Trần Thánh Tông, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Xây dựng công trình dân dụng Ngôi Sao	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vinh	Số 111, đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cà Mau	Số 134, đường Nguyễn Trãi, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Rạch Giá	Số 150, đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Phú Quốc	Số 53, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Số 58, đường Điện Biên Phủ, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 18, đường 25/4, phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Lạt	Số 56, đường Phan Đình Phùng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Thanh Hóa	Số 109, đường Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm tổ chức sự kiện Đoàn Ong Việt	Số 32A, đường Phan Đăng Lưu, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Nguồn nhân lực Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long An	Số 151, đường Hùng Vương, Phường 2, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Điều hành Hướng Dẫn Viên Việt Nam	Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Chuyển đi của Bạn	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Thái Nguyên	Số 203, tổ 26, đường Lương Ngọc Quyến, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trung tâm dạy nghề Vietravel	Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Hải Dương	Số 13, đường Thanh Niên, phường Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 1.078 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.282 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí tour

Các khoản chi phí đã trả liên quan đến các tour đang thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tính khấu hao.

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị quyền thuê nhà và tên miền. Nguyên giá của giá trị quyền thuê nhà và tên miền là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để có được giá trị nhà và tên miền ở thời điểm hiện tại. Giá trị nhà và tên miền được khấu hao từ 5 năm đến 25 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

046
ÔNG
Ổ PH
4 VÀ
ÔNG
T N
TRAI
P HC

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

14. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

99
TY
N
TIẾP TH
VẬN T
M-
SL
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành bao gồm doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách từ nước ngoài vào Việt Nam (Inbound Tours); doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, làm việc tại Việt Nam đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tours) và doanh thu dịch vụ du lịch nội địa (Domestic).

Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành dịch vụ và các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đó được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý và Báo cáo thực hiện tour đã được phê duyệt.

Doanh thu bán vé máy bay

Doanh thu bán vé máy bay được ghi nhận khi các rủi ro và quyền sở hữu liên quan đến vé máy bay đã được chuyển sang khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

03
DU L
IAO
1
VN 3

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	9.289.973.365	13.048.727.666
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	77.598.006.477	94.593.245.957
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.000.000.000	
Cộng	116.887.979.842	107.641.973.623

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	62.908.093.787	20.282.849.924
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	508.505.049	10.137.092.222
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company – Vietravel	2.034.748.275	2.927.566.322
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	-	584.696.857
Công ty TNHH An Incentives	2.143.746.995	2.366.051.995
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	312.574.506	278.173.566
Công ty TNHH Lữ hành Hàng không Việt Nam	56.671.563.080	2.752.313.080

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	17.149.000	17.149.000
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	1.219.806.882	1.219.806.882
Phải thu các khách hàng khác	102.622.226.378	245.577.998.187
Cộng	165.530.320.165	265.860.848.111
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	463.164.791	71.347.503.351
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	-	61.880.909.193
Công ty TNHH An Incentives	-	1.998.304.658
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	-	424.130.868
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	-	336.730.458
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	-	179.865.974
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	463.164.791	5.358.600.000
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel	-	1.168.962.200
Trả trước cho người bán khác	100.303.709.759	215.529.463.199
King Dragon International Tourist Group Co., Ltd. (THAI HUI)	-	604.514.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	5.618.081.000	17.366.601.000
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	7.755.218.323	14.799.205.182
Các nhà cung cấp khác	87.448.887.936	182.759.143.017
Cộng	101.285.352.050	286.876.966.550

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	39.133.839.212	-	31.596.664.597	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế Giới – thu, chi hệ và các khoản khác	127.022.000	-	538.445.260	-
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel - chi hệ	4.028.776.938	-	6.065.522.908	-
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam - chi hệ	2.054.678.667	-	2.053.678.667	-
Công ty TNHH An Incentives	167.867.927	-	236.370.900	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited - chi hệ	2.289.538.659	-	2.289.538.659	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. – chi hệ	1.517.995.668	-	2.249.247.307	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent – phải thu khác	124.556.698	-	6.641.111.455	-
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	18.624.455.398	-	574.849.315	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel - phải thu khác	9.843.933.657	-	9.843.933.657	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	355.013.600	-	568.331.200	-
Chi hộ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	-	-	535.635.269	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	69.080.471.810	-	65.721.641.029	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	221.055.586	-	283.605.383	-
Tạm ứng ngắn hạn	32.467.632.089	-	35.544.105.344	-
Ký quỹ cho hoạt động xuất khẩu lao động	1.309.273.137	-	1.309.273.137	-
Các khoản phải thu khác	35.082.510.998	-	28.584.657.165	-
Cộng	108.214.311.022	-	97.318.305.626	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng TP. Hồ Chí Minh	8.028.718.095	8.014.045.105
Chi nhánh Cần Thơ	160.500.000	160.500.000
Chi nhánh Long Xuyên	179.000.000	179.000.000
Chi nhánh Rạch Giá	33.300.000	33.300.000
Chi nhánh Bình Dương	150.000.000	150.000.000
Chi nhánh Vũng Tàu	144.150.000	150.150.000
Chi nhánh Vinh	26.000.000	26.000.000
Chi nhánh Xuyên Á	153.577.165	153.577.165
Chi nhánh Đồng Tháp	-	105.000.000
Chi nhánh Lá Xanh	50.000.000	50.000.000
Chi nhánh Thanh Hóa	8.000.000	8.000.000
Chi nhánh Hà Nội	1.200.881.560	1.025.881.560
Chi nhánh Thái Nguyên	108.000.000	108.000.000
Chi nhánh Vĩnh Long	-	121.000.000
Chi nhánh Hải Dương	12.000.000	-
Cộng	10.254.126.820	10.284.453.830

5. Nợ quá hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Hưng Thịnh Phát - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	637.765.727	-	Trên 3 năm	637.765.727	-
Công ty TNHH Lữ hành tin tức Quốc tế Thành Đô - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	731.983.710	-	Trên 3 năm	731.983.710	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		2.502.725.972	761.530.465	1.657.096.797	338.715.878
Cộng		3.872.475.409	761.530.465	3.026.846.234	338.715.878

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tour	211.521.892.756	223.364.377.779
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.489.889.068	1.017.554.257
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.533.708.243	20.463.877.267
Cộng	229.545.490.067	244.845.809.303

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.509.221.929	9.249.095.858
Chi phí trả trước khác	14.445.823.018	16.378.363.094
Cộng	22.955.044.947	25.627.458.952

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Các khoản thuế nộp thừa, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	15.067.283	-
Thuế thu nhập cá nhân	53.815.217	-
Các loại thuế khác	18.005	-
Cộng	68.900.505	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	17.989.088.651	6.136.392.989	162.945.265.585	17.468.915.117	3.582.011.911	208.121.674.253
Mua trong kỳ	-	-	-	1.943.140.000	-	1.943.140.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.640.000.003)	(162.966.689)	-	(5.802.966.692)
Số cuối kỳ	17.989.088.651	6.136.392.989	157.305.265.582	19.249.088.428	3.582.011.911	204.261.847.561
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.618.357.053	4.101.655.080	67.837.953.385	7.228.942.822	777.578.851	94.564.487.191
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.015.479.206	5.501.257.288	102.235.670.838	12.211.373.705	2.130.885.873	138.094.666.910
Khấu hao trong kỳ	100.893.156	111.031.415	3.950.672.909	517.546.836	149.452.197	4.829.596.513
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.640.000.003)	-	-	(5.640.000.003)
Số cuối kỳ	16.116.372.362	5.612.288.703	100.546.343.744	12.728.920.541	2.280.338.070	137.284.263.420
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.973.609.445	635.135.701	60.709.594.747	5.257.541.412	1.451.126.038	70.027.007.343
Số cuối kỳ	1.872.716.289	524.104.286	56.758.921.838	6.520.167.887	1.301.673.841	66.977.584.141
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 45.930.716.331 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.351.774.000	405.799.750		8.281.402.911	9.897.444.452	20.936.421.113
Mua trong năm/kỳ			139.140.000			139.140.000
Số cuối kỳ	2.351.774.000	405.799.750	139.140.000	8.281.402.911	9.897.444.452	21.075.561.113

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

	-	305.799.750		2.785.705.911	1.928.506.345	5.020.012.006
--	---	-------------	--	---------------	---------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	389.133.070		4.252.312.451	5.906.759.785	10.548.205.306
Khấu hao trong kỳ	-	6.249.999	-	298.229.409	124.320.420	428.799.828
Số cuối kỳ	-	395.383.069	-	4.550.541.860	6.031.080.205	10.977.005.134

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.351.774.000	16.666.680		4.029.090.460	3.990.684.667	10.388.215.807
Số cuối kỳ	2.351.774.000	10.416.681	139.140.000	3.730.861.051	3.866.364.247	10.098.555.979

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng
Đang chờ thanh lý

	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Quyền sử dụng đất tại Phú Quốc	4.623.000.000	-	4.623.000.000
Phần mềm mua sản phẩm	997.500.000	-	997.500.000
Phần mềm bán tour (TripU)	6.246.546.657	-	6.246.546.657
Hệ thống kết nối data framework	3.579.860.000	-	3.579.860.000
Phần mềm nhắn tin tự động Fanpage	51.000.000	-	51.000.000
Dự án phần mềm điều hành xe	1.935.000.000	215.000.000	2.150.000.000
Phần mềm chăm sóc khách hàng Loyalty	4.535.540.000	1.548.000.000	6.083.540.000
Dự án website, app inbound	2.427.985.160	-	2.427.985.160
Dự án 01 Nguyễn Huệ	12.727.142.721	2.906.030.273	15.633.172.994
Logo TripU	59.415.000	-	59.415.000
Phần mềm Chatbot (travel.com.vn)	401.000.000	-	401.000.000
Phần mềm E-sale	275.000.000	-	275.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảo tàng ẩm thực	1.711.028.466	-	1.711.028.466
Nâng cấp phần mềm Enterprise social Network	464.660.000	-	464.660.000
Phổ đi bộ Vinh - Nghệ An	200.000.000	-	200.000.000
Cloud Marketing	1.526.136.497	-	1.526.136.497
Nhà hàng Vietravel Đà Nẵng	-	529.418.426	529.418.426
Cộng	41.760.814.501	5.198.448.699	46.959.263.200

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	810.051.249.427	(9.233.185.826)	796.922.849.427	-
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel ⁽ⁱ⁾	3.734.263.753	(1.048.983.145)	3.734.263.753	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyên Thế giới ⁽ⁱⁱ⁾	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	45.013.200.000	-	38.484.800.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích ^(iv)	562.500.000	(7.229.033)	562.500.000	-
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd. ^(v)	1.171.800.000	-	1.171.800.000	-
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC. ^(vi)	1.116.500.000	-	1.116.500.000	-
Công ty TNHH An Incentives ^(vii)	6.092.380.000	(128.985.839)	6.092.380.000	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited ^(viii)	4.078.105.674	(1.661.850.000)	4.078.105.674	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel ^(ix)	682.500.000	(696.300.000)	682.500.000	-
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam ^(x)	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent ^(xi)	35.600.000.000	(5.689.837.809)	29.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel ^(xii)	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U ^(xiii)	-	-	-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.181.902.800	(527.578.099)	2.181.902.800	-
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam ^(xiv)	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. ^(xv)	781.902.800	(527.578.099)	781.902.800	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9.800.960.000	-	9.800.960.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang ^(xvi)	9.800.960.000	-	9.800.960.000	-
Cộng	822.034.112.227	(9.760.763.925)	808.905.712.227	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 441/BKH-ĐTRNN ngày 10 tháng 5 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Indochina Heritage Travel 7.605.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.734.263.753 VND, tương đương 49,10% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Indochina Heritage Travel là 3.870.736.247 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312821837 ngày 05 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyên Thế giới 12.000.000.000 VND, tương đương 60,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.805.100 cổ phần, tương đương 95,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa (số đầu năm là 3.375.600 cổ phần, tương đương 84,39% vốn điều lệ). Trong đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 800.000 cổ phần.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1702044225 ngày 12 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích 2.040.000.000 VND, tương đương 51,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 562.500.000 VND, tương đương 14,06% vốn điều lệ (số đầu năm là 300.000.000 VND, tương đương 7,50% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích là 1.477.500.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600182 ngày 03 tháng 8 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd. 1.204.000.000 VND (~70.000 AUD) tương đương 70,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600207 ngày 19 tháng 9 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC. 1.116.500.000 VND (~50.000 USD) tương đương 100,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600198 ngày 01 tháng 9 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH An Incentives 6.944.000.000 VND (~280.000 EUR), tương đương 100,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 6.092.380.000 VND, tương đương 89,29% (~250.000 EUR) vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH An Incentives là 851.620.000 VND.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600186 ngày 08 tháng 8 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited 4.103.796.515 VND (~249.838 SGD), tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600163 ngày 07 tháng 7 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel 670.000.000 VND (~30.000 USD), tương đương 100,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301644331 ngày 23 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam 700.000.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.

104
CÔNG
CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ
HÀNH
VIỆT NAM
VIETRAVEL
TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (xi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Quốc tế Kent 35.600.000.000 VND, tương đương 66,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 29.000.000.000 VND, tương đương 66,00% vốn điều lệ). Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315447183 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel 50.000.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316039109 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U 30.000.000.000 VND, tương đương 100,00% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty chưa góp vốn vào công ty con này.
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312751298 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 13 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam 1.400.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty liên kết này (trong đó, góp bằng tài sản là 68.892.223 VND và góp bằng khoản công nợ đã chi trả cho giải tennis là 1.331.107.777 VND).
- (xv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài 201900655 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. 980.000 Bath, tương đương 49,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn vào công ty liên kết này.
- (xvi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 935.647 cổ phiếu, chiếm 4,68% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	(9.760.763.925)	-
Số cuối kỳ	(9.760.763.925)	-

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel		
Cung cấp dịch vụ	-	1.317.407.263
Phải trả tiền dịch vụ	351.059.869	12.311.468.961

59
TY
AN
TIẾP
VẬN
M.
VEL
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

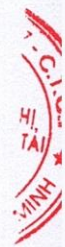
Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới</i>		
Mua vé máy bay	278.855.029.389	455.840.113.010
Cung cấp dịch vụ	7.551.773.442	9.624.424.677
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa</i>		
Góp vốn	-	14.528.000.000
Phải trả tiền dịch vụ	1.301.603.112	242.386.640
Cung cấp dịch vụ	279.365.455	
<i>Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích</i>		
Góp vốn	-	262.500.000
<i>Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.764.035.415	56.754.500
Phải trả tiền dịch vụ	10.268.014.936	36.531.809.615
<i>Công ty TNHH An Incentives</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	5.708.346.152	22.662.188.556
Cung cấp dịch vụ	302.776.382	2.860.000
<i>Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam</i>		
Góp vốn	-	5.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	67.075.229.720	-
Phải trả tiền dịch vụ	4.895.435.209	-
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Kent</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.899.532	222.076.151
Phải trả tiền dịch vụ	72.500.000	22.250.000
Góp vốn	6.600.000.000	-
<i>Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.125.120.857	45.372.500
Phải trả tiền dịch vụ	9.156.405.435	38.520.800.067
11. Phải trả người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	10.022.338.701	2.056.361.240
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	5.254.930.246	1.479.661.240
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	860.639.892	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	85.700.000	13.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	563.500.000	563.500.000
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel	545.441.721	-
Công ty TNHH An Incentives	2.712.126.842	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	298.028.903.854	311.066.953.599
Cộng	308.051.242.555	313.123.314.839



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Trả trước tiền dịch vụ của các khách hàng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.601.752.825	6.859.722.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.833.457.369	4.286.708.124
Thuế thu nhập cá nhân	787.825.947	2.552.089.979
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	<u>12.223.036.141</u>	<u>13.698.520.839</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ du lịch trong nước và các dịch vụ trong nước khác:	10%
Dịch vụ du lịch ngoài nước:	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(55.022.398.550)	66.587.757.786
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	66.587.757.786
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	-	66.587.757.786
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>-</u>	<u>13.317.551.557</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau do đánh giá tình hình kinh doanh có thể bị tác động không tốt vì ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cổ tức từ năm 2015 đến 2017	539.942.040	562.498.840
Phải trả cổ tức năm 2018	227.182.884	593.680.059
Kinh phí công đoàn	713.289.277	350.173.766

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	845.797.828	510.681.121
Bảo hiểm thất nghiệp	61.455.357	29.265.267
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	67.410.958.904	19.921.955.254
Thuế GTGT chờ kê khai	4.025.079.234	1.627.613.723
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	30.947.984.600	40.559.742.359
Cộng	<u>104.771.690.124</u>	<u>64.155.610.389</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 ⁽ⁱ⁾	12.638.496.438	46.414.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	137.834.400.663	36.078.937.542
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	59.263.642.964	56.993.597.698
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành ^(iv)	23.027.049.206	74.992.877.250
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	7.006.470.000	8.738.720.000
Cộng	<u>239.770.059.271</u>	<u>223.218.132.490</u>

- (i) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2019/62715/HĐTD ngày 15 tháng 10 năm 2019 để mua ngoại tệ thanh toán cho nước ngoài.
- (ii) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0805/2020-HĐCVHM/NHCT924-VIETRAVEL ngày 10 tháng 08 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng.
- (iii) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 003/1928/N-KD/01 ngày 24 tháng 6 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng.
- (iv) Khoản vay không có đảm bảo Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0111/2019/HĐTD/VIETRAVEL ngày 15 tháng 11 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định, thời hạn vay không quá 6 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	214.479.412.490	382.086.923.290	-	(363.802.746.509)	232.763.589.271
Vay dài hạn đến hạn trả	8.738.720.000	-	5.175.640.000	(6.907.890.000)	7.006.470.000
Cộng	<u>223.218.132.490</u>	<u>382.086.923.290</u>	<u>5.175.640.000</u>	<u>(370.710.636.509)</u>	<u>239.770.059.271</u>

15b. Vay dài hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	21.993.000.000	27.168.640.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>	<i>21.993.000.000</i>	<i>27.168.640.000</i>
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾	692.539.525.908	686.435.501.664
<i>Mệnh giá trái phiếu</i>	<i>700.000.000.000</i>	<i>700.000.000.000</i>
<i>Chi phí phát hành trái phiếu còn phân bổ</i>	<i>(7.460.474.092)</i>	<i>(13.564.498.336)</i>
Cộng	<u>714.532.525.908</u>	<u>713.604.141.664</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua tài sản cố định, bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 1006/2017-HĐCVĐA/NHCT924 ngày 09 tháng 10 năm 2017 dùng để thanh toán tiền mua 5 xe Thaco TB120S và 10 xe Thaco TB85S-W200 phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 5 chiếc xe Thaco TB120S và 10 chiếc xe Thaco TB85S-W200 được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.9).
- Hợp đồng vay số 0405/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 04 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua tàu du lịch chở khách Phú Quốc phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng.
- Hợp đồng vay số 0605/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 19 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán tiền mua 15 xe Thaco phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8,00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 15 chiếc xe Thaco được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Trái phiếu thường có giá trị 700.000.000.000 VND và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 9,25%/năm cho 15 tháng đầu tiên và tăng lên 11,00%/năm trong thời hạn còn lại của trái phiếu, được phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS. Tài sản đảm bảo là tài khoản thanh toán của Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam (“Vietravel Airlines”) được mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và toàn bộ số dư có trên các tài khoản đó.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.006.470.000	8.738.720.000
Trên 1 năm đến 5 năm	714.532.525.908	725.971.640.000
Trên 5 năm	-	1.197.000.000
Cộng	<u>721.538.995.908</u>	<u>735.907.360.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

Số đầu năm	713.604.141.664
Chi phí phát hành trái phiếu còn phân bổ	6.104.024.244

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(5.175.640.000)
Số cuối kỳ	714.532.525.908

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng, phúc lợi. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	13.884.962.614
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.903.010.626
Chi quỹ	(13.802.098.318)
Số cuối kỳ	2.985.874.922

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Lữ hành Quốc tế Sài Gòn	25.627.750.000	20.502.200.000
Tăng vốn do trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	17.972.000.000	
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	14.326.520.000	11.461.220.000
Các cổ đông khác	115.022.060.000	94.452.910.000
Cộng	172.948.330.000	126.416.330.000

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.294.833	12.641.633
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.294.833	12.641.633
- Cổ phiếu phổ thông	17.294.833	12.641.633
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	479.681	479.681
- Cổ phiếu phổ thông	479.681	479.681
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.815.152	12.161.952
- Cổ phiếu phổ thông	16.815.152	12.161.952
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	158.345.67	209,265.10
Euro (EUR)	1.044.13	1,497.67
Dollar Úc (AUD)	6.540.89	6,554.03
Yên Nhật (JPY)	1.277.062.00	531,866.00
Bath Thái (THB)	100.00	100.00
Dollar Singapore (SGD)	100.00	100.00

CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DU LỊCH VÀ
 GIAO THÔNG
 VẬN TẢI
 VIỆT NAM
 - VIETRAVEL
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu****1b.**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	1.249.609.254.675	5.366.910.931.246
Doanh thu bán vé máy bay	14.120.145.874	43.279.655.590
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	62.560.608.655	21.542.059.946
Cộng	1.326.290.009.204	5.431.732.646.782

1c. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.12, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	143.316.157	169.120.950
Lãi cho vay	2.857.708.221	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.191.897.862	1.353.832.951
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.881.239.401	2.382.019.242
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.311.656.955	247.898.960
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.000.094	-
Cộng	21.389.818.690	4.152.872.103

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	61.189.934.902	7.565.346.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.673.462.410	1.148.470.455
Chi phí phát hành trái phiếu	4.069.349.496	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	9.760.763.925	-
Chi phí tài chính khác	64.783.382	678.224.916
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.034.674.748	-
Cộng	78.792.968.863	9.392.041.463

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	16.644.582

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.806.202.891	7.126.931.338
Các chi phí khác	3.369.642.669	29.157.013.416
Cộng	11.175.845.560	36.300.589.336

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.695.806.277	84.340.538.269
Chi phí vật liệu quản lý	62.133.283	409.975.611
Chi phí đồ dùng văn phòng	610.964.666	1.318.288.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.601.892.197	16.359.557.682
Thuế, phí và lệ phí	2.946.354.501	13.126.394.944
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	422.814.588	97.422.972.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.883.023.938	12.900.051.291
Các chi phí khác	6.474.992.706	84.340.538.269
Cộng	108.697.982.156	225.877.778.648

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.789.727.270	-
Doanh thu coupon hết hạn sử dụng	50.286.765	1.096.189.869
Các khoản hoa hồng hỗ trợ từ nhà cung cấp	248.540.510	3.530.479.585
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	79.398.090	15.071.461
Các khoản thu nhập khác	2.118.342.251	1.743.076.404
Cộng	4.286.294.886	6.384.817.319

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	86.382.826
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.006.422.631	3.279.339.132
Thuế bị phạt, bị truy thu	334.767.249	47.252.653
Chi phí bồi hoàn do hủy tour khách	-	816.452.000
Các khoản chi phí khác	763.466.362	1.294.639.560
Cộng	2.104.656.242	5.524.066.171

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	673.097.949	1.728.263.899
Chi phí nhân công	23.695.806.277	84.357.182.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.601.892.197	16.359.557.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.689.226.829	104.549.903.901
Chi phí khác	13.213.804.464	55.183.459.651
Cộng	119.873.827.716	262.178.367.984

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.751.111.984	6.222.437.068
Tiền thưởng	579.445.906	2.079.122.260
Thù lao	242.013.600	2.998.195.102
Cộng	2.572.571.490	11.299.754.430

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Công ty con
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC.	Công ty con
Công ty TNHH An Incentives	Công ty con
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company - Vietravel	Công ty con
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Công ty con
Công ty TNHH Hàng không Lữ hành Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Quốc tế Kent	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp thị - Thể thao - Du lịch - Giải trí Việt Nam	Công ty liên kết
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4a, V.8 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

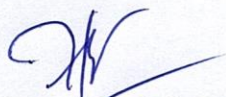
2. Thông tin về bộ phận


Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ du lịch và chủ yếu ở Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020


Đặng Thị Hiền Lương
Người lập


La Huệ
Kế toán trưởng


Trần Đoàn Thế Duy
Quyền Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

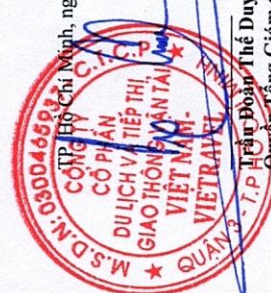
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	126,416,330,000	3,030,205,325	(3,487,459,300)	15,322,079,765	67,185,503,576	208,466,659,366	
Mua lại cổ phiếu đã phát hành bằng tiền trong kỳ trước	-	-	(154,446,363)	-	-	(154,446,363)	
Mua lại cổ phiếu đã phát hành thông qua cân trừ công nợ trong kỳ trước	-	-	(590,469,937)	-	-	(590,469,937)	
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	53,270,206,229	53,270,206,229	
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	4,779,241,482	(13,527,173,324)	(8,747,931,842)	
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(18,340,260,000)	(18,340,260,000)	
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ trước	-	-	-	-	(820,209,000)	(820,209,000)	
Số dư cuối kỳ trước	126,416,330,000	3,030,205,325	(4,232,375,600)	20,101,321,247	87,768,067,481	233,083,548,453	
Số dư đầu năm nay	126,416,330,000	3,030,205,325	(5,041,982,400)	20,101,321,247	64,347,251,521	208,853,125,693	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong kỳ này	28,560,000,000	285,600,000	-	-	-	28,845,600,000	
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	17,972,000,000	-	-	-	-	17,972,000,000	
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	16,090,127	16,090,127	
Lợi nhuận năm nay từ các chi nhánh chuyển về	-	-	-	-	(55,038,488,677)	(55,038,488,677)	
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	2,903,010,627	(5,806,021,253)	(2,903,010,626)	
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	(819,283,999)	(819,283,999)	
Số dư cuối kỳ này	172,948,330,000	3,315,805,325	(5,041,982,400)	23,004,331,874	2,699,547,719	196,926,032,518	

(Handwritten signature)

La Huệ
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Đặng Thị Hiền Lương
 Người lập

